

An Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 25-40cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 35-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 26/03 phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-25cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước xuống chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm theo triều trong ngày đầu, sau có xu thế lên chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước xuống chậm theo triều trong ngày đầu, sau có xu thế lên chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong ngày đầu, sau có xu thế xuống chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống chậm theo triều tới ngày 01/04. Đỉnh triều ở mức thấp.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 28/03/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 26/03		So với 25/03		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									27/03	28/03	29/03	30/03	31/03
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	127	-11	▼	11	▲	27	▲	117	121	124	127	130
					Hmin	-12	-2	▼	33	▲	-9	▼	-17	-22	-26	-23	-20
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	135	-9	▼	7	▲	34	▲	125	129	132	135	138
					Hmin	-28	-1	▼	29	▲	0	◀▶	-33	-38	-42	-39	-36
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	125	-1	▼	28	▲	27	▲	115	119	122	125	128
					Hmin	58	13	▲	58	▲	31	▲	53	48	44	47	50
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	147	-3	▼	8	▲	40	▲	137	141	144	147	150
					Hmin	-19	-2	▼	24	▲	-11	▼	-24	-29	-33	-30	-27
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	155	-8	▼	12	▲	49	▲	145	149	152	155	158
					Hmin	-25	-1	▼	27	▲	13	▲	-30	-35	-39	-36	-33
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	138	-11	▼	6	▲	33	▲	128	132	135	138	141
					Hmin	-24	0	◀▶	29	▲	-5	▼	-29	-34	-38	-35	-32
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	45	3	▲	4	▲	12	▲	47	45	43	41	39
					Hmin	14	0	◀▶	2	▲	6	▲	10	7	4	6	8
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	31	1	▲	-2	▼	6	▲	33	31	29	27	25
					Hmin	23	-1	▼	-1	▼	1	▲	21	19	17	15	13
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	36	0	◀▶	-4	▼	-3	▼	38	36	34	32	30
					Hmin	28	-1	▼	-5	▼	-5	▼	26	24	22	20	18
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	37	0	◀▶	-5	▼	2	▲	39	37	35	33	31
					Hmin	31	-1	▼	-4	▼	2	▲	29	27	25	23	21
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	45	0	◀▶	-7	▼	3	▲	47	45	43	41	39
					Hmin	38	-1	▼	-3	▼	1	▲	36	34	32	30	28
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	49	-2	▼	3	▲	15	▲	49	47	45	43	41
					Hmin	21	-1	▼	8	▲	9	▲	17	14	11	13	15
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	66	4	▲	6	▲	33	▲	68	66	64	62	60
					Hmin	45	1	▲	7	▲	23	▲	43	41	39	37	35
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	52	2	▲	-5	▼	12	▲	54	52	50	48	46
					Hmin	41	1	▲	4	▲	12	▲	39	37	35	33	31
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	34	1	▲	3	▲	15	▲	36	34	32	30	28
					Hmin	23	0	◀▶	5	▲	10	▲	21	19	17	15	13
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	85	4	▲	9	▲	36	▲	87	85	83	81	79
					Hmin	60	0	◀▶	10	▲	27	▲	58	56	54	52	50
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	115	3	▲	24	▲	47	▲	117	115	113	111	109
					Hmin	58	-1	▼	20	▲	26	▲	56	54	52	50	48
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	81	3	▲	10	▲	26	▲	83	81	79	77	75
					Hmin	49	-1	▼	12	▲	14	▲	47	45	43	41	39

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	64	3	▲	3	▲	15	▲	66	64	62	60	58
					Hmin	44	0	◀▶	5	▲	12	▲	42	40	38	36	34
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	46	4	▲	-1	▼	14	▲	48	46	44	42	40
					Hmin	34	2	▲	3	▲	21	▲	32	30	28	26	24
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	27	0	◀▶	-3	▼	-3	▼	27	26	25	23	21
					Hmin	-1	-1	▼	-14	▼	20	▲	-6	-4	-2	0	2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	66	-4	▼	20	▲	28	▲	58	53	48	43	38
					Hmin	-35	-4	▼	-6	▼	-2	▼	-33	-29	-27	-25	-23

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





